

Bản án số: **146/2022/DS-ST**
Ngày: 25/5/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm;
2. Ông Đinh Tình Thanh Phước.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1519/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1972/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1967

Thường trú: Số A đường T2, phường TTN, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số D đường số B, đường H, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1979 - Đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 17504, quyền số 10/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2021 tại Văn phòng công chứng BT).

Thường trú: Số T, lô A, chung cư P, đường K, phường TP, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: LR City, 2C đường X, Phường Y, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1948

Địa chỉ: Số B, đường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số B, đường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Vương H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số D đường số B, đường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Vương H: Ông Nguyễn H, sinh năm 1979 - Đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 19790, quyền số 11/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2021 tại Văn phòng công chứng BT).

Thường trú: Số T, lô A, chung cư P, đường K, phường TP, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: LR City, 2C đường X, Phường S, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Ông Lê Kim H, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: Số 106B đường L, Phường K, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: C đường M, Thị trấn C, Hạt M, Bang M, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Ông Nguyễn H, sinh năm 1979 - Đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2021).

Thường trú: Số T, lô A, chung cư P, đường K, phường TP, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: L1 Richmond City, 7C đường X, Phường S, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vương H, người đại diện hợp pháp của người làm chứng do ông Nguyễn H là đại diện theo ủy quyền vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn ông Nguyễn V, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/11/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn T và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn H - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn T cho vợ chồng ông Nguyễn V (tên thường gọi là bác Sáu) vay số tiền 8.000.000.000 đồng với thời hạn là 01 tháng (ngày 03/01/2020 phải hoàn trả). Khi giao tiền hai bên không làm giấy biên nhận mà thực hiện thủ tục chuyển khoản. Ngày 03/12/2019, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (V - chi nhánh Sài Thành, địa chỉ: Số 2D-2E, đường LK,

Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh), ông Lê Kim H có thay mặt ông T làm thủ tục chuyển 8.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn V theo thỏa thuận vay mượn tiền giữa ông T và ông Th.

Ngày 05/6/2020, ông Nguyễn V đã trả cho ông 1.000.000.000 đồng và viết giấy biên nhận cam kết, chậm nhất đến ngày 05/7/2020 sẽ trả hết 7.000.000.000 đồng còn lại.

Ngày 12/11/2020, ông Nguyễn V trả thêm cho ông 1.150.000.000 đồng và viết lại giấy biên nhận khác cam kết sẽ trả 5.850.000.000 đồng còn lại trong thời gian ngắn nhất. Đồng thời, cam kết trả lãi mỗi tháng là 90.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2021, do chưa trả được nợ như đã hứa nên ông Nguyễn V và vợ là bà Trần Thị Th cùng lập lại Giấy mượn tiền, ghi rõ số nợ gốc là 5.850.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng (tương đương với 90.000.000 đồng/tháng), thời hạn trả nợ trước ngày 03/4/2021. Đồng thời, ông T và bà Th cam kết nếu không trả đúng hạn, sẽ bàn giao căn nhà tại địa chỉ Số B đường P, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông quản lý nhằm đảm bảo việc trả nợ.

Ngày 16/3/2021, ông Nguyễn V và vợ là bà Trần Thị Th tiếp tục xin khất nợ nên cùng nhau viết lại một giấy nhận nợ khác nữa, hẹn sẽ trả dần (có bao nhiêu trả bao nhiêu) cho đến hết tháng 04/2021, ghi rõ số nợ gốc là 5.850.000.000 đồng và số nợ lãi (tính cho tháng 2 và tháng 3 năm 2021, mỗi tháng trả lãi 90.000.000 đồng, thành tiền là 180.000.000 đồng). Nhưng từ ngày ký cam kết trả nợ gốc và lãi ngày 20/01/2021 đến nay ông T và bà Th vẫn chưa trả thêm khoản tiền nào, mặt khác ông T, bà Th đã lừa dối ông vì căn nhà tại địa chỉ Số B đường P, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông T hứa bàn giao cho ông quản lý nhằm đảm bảo việc trả nợ thực tế đã được chuyển nhượng cho người thân từ trước khi các bên ký giấy vay tiền.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th thanh toán số tiền vay còn nợ là 7.268.625.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.850.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/01/2021 (tính từ thời điểm các bên ký Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021) đến ngày 25/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16 tháng 5 ngày, số tiền là 1.418.625.000 đồng (theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 là 1,5%/tháng tức là 18%/năm và 0,005%/ngày). Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thanh toán khoản tiền nào khác.

Ông xác định từ năm 2019 đến nay ông vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân với vợ ông là bà Vương H và số tiền ông cho ông T, bà Th vay là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bà K có biết, không có ý kiến gì và đồng ý việc ông cho ông T và bà Th vay số tiền trên. Để đảm bảo cho việc thi hành án ông đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT ngày 08/11/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ là ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th.

- Tại Bản khai ngày 31/12/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vương H do người đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn H trình bày:

Bà Vương H có quan hệ hôn nhân hợp pháp với ông Nguyễn T. Bà thống nhất với lời khai của ông Nguyễn T trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Th cho vợ chồng ông T vay số tiền trên bà có biết nhưng đó là tài sản riêng của ông Th, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên bà không có ý kiến gì và đồng ý việc ông Th cho vợ chồng ông T vay số tiền trên.

- Tại Bản khai ngày 31/12/2021 và Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2021 của người làm chứng ông Lê Kim H do người đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn H trình bày:

Ông H xác định ngày 03/12/2019, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (V – chi nhánh Sài Thành, địa chỉ: Số 2D-2E, đường LK, Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh), ông Lê Kim H có thay mặt ông Th làm thủ tục chuyển 8.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn V (còn gọi là chú Sáu, sinh năm 1948, địa chỉ: Số B, đường P, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) theo thỏa thuận vay mượn tiền giữa ông T và ông Th. Ông H xác nhận số tiền 8.000.000.000 đồng là tiền của ông Th nhờ ông H chuyển cho ông T. Ông H không có quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến số tiền nêu trên, ngoài việc thay mặt chuyển giúp. Vì vậy ông H xác nhận nội dung nêu trên và không có ý kiến hoặc đề nghị nào khác liên quan đến số tiền đã chuyển dùm nêu trên.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nguyên đơn đã đăng nội dung Quyết định thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng số 640/2022/QĐ-TB ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh trên báo Công Lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài VOV ba lần trong 03 ngày liên tiếp nhưng ông T và bà Th vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông T và bà Th đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trả cho nguyên đơn số tiền là 7.268.625.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.850.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 20/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.418.625.000 đồng. Để đảm bảo cho việc thi hành án đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT ngày

08/11/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ là ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn T và bị đơn ông Nguyễn V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th giao kết hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông T, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả số tiền nợ của hợp đồng vay tài sản theo thỏa thuận của các bên. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 373/14, đường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 02 năm 2021, hiện đi đâu không rõ. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vương H, người đại diện hợp pháp của người làm chứng do ông Nguyễn H là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn V, bà Trần Thị Th thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Kết luận giám định số 1326/KL-KTHS ngày 09/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, giám định chữ ký, chữ viết của ông T, bà Th tại Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 và Biên nhận ngày 16/3/2021 so sánh với các mẫu chữ ký của ông, bà tại Công an Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do Tòa án tiến hành thu thập được thể hiện chữ ký ông T, bà Th cùng do một người ký ra. Do đó, căn cứ Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 và Biên nhận ngày 16/3/2021 có chữ ký xác nhận của ông T, bà Th có cơ sở xác

định các bên đã giao kết hợp đồng vay tài sản, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 thể hiện ông Th đã cho ông T, bà Th vay 8.000.000.000 đồng với thời hạn 01 tháng (theo Giấy ủy nhiệm chi số 031219.XK44.0084 tại Ngân hàng V ngày 03/12/2019). Sau đó ông T và bà Th đã thanh toán cho nguyên đơn 2.150.000.000 đồng nên tại Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 ông T, bà Th xác nhận đến ngày 20/01/2021 còn nợ nguyên đơn số tiền 5.850.000.000 đồng, thời hạn vay đến trước ngày 03/4/2021. Theo Biên nhận ngày 16/3/2021 ông T, bà Th xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 6.030.000.000 đồng (bao gồm 2 tháng tiền lãi là 180.000.000 đồng), thời hạn trả: “ từ nay đến hết tháng 4 có bao nhiêu trả bao nhiêu” (biên nhận không có nguyên đơn ký tên). Nguyên đơn xác định kể từ ngày 20/01/2021 đến nay ông T, bà Th chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nợ gốc, nợ lãi nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào cho thấy ông T, bà Th đã thanh toán hết số tiền nợ gốc 5.850.000.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.850.000.000.000 đồng.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn V, bà Trần Thị Th thanh toán nợ lãi:

Mức lãi suất nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trong Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 là 1,5%/tháng, tức 18%/năm là mức lãi suất phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả số tiền nợ lãi tính từ ngày các bên ký giấy mượn tiền (ngày 20/01/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2022) là: $5.850.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 1.418.625.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 7.268.625.000 đồng (bao gồm: 5.850.000.000 đồng nợ gốc và 1.418.625.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 25/5/2022). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 26/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 18%/năm.

[3] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Xét thấy để đảm bảo cho việc thi hành án cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” là ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.268.625 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T

Buộc ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th phải thanh toán cho ông Nguyễn T số tiền 7.268.625.000 (Bảy tỷ hai trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021 giữa ông Nguyễn T, ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th, bao gồm: Nợ gốc 5.850.000.000 đồng và 1.418.625.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 25/5/2022. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 26/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Nguyễn V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận là 18%/năm.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” là ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th cho đến khi có quyết định của Tòa án. Việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn V và bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.268.625 (Một trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

Ông Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.375.000 (Năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005034 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyễn T, ông Nguyễn V, bà Trần Thị Th, bà Vương H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tâm